



PHỤ LỤC I

VỊ TRÍ, SỐ LÔ, KÍCH THƯỚC, DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, HỒ SƠ, BƯỚC GIÁ CÁC LÔ ĐẤT TẠI KDC THÔN TÂN PHÚ, XÃ MỸ ĐỨC, HUYỆN PHÙ MỸ

(Kèm theo Thông báo số 44/TB-ĐG ngày 28/6/2024 của Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Quốc Thịnh)

Thời gian bán và nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến 16h30 ngày 17/7/2024
Thời gian tổ chức đấu giá: Từ 9h30 ngày 20/7/2024 tại UBND xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đầu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
	Quỹ đất do UBND huyện Phù Mỹ quản lý										
	Khu dân cư thôn Tân Phú, xã Mỹ Đức										
I	Khu ĐD-06										
I.1	Mặt hướng Đông, đường 45m - Mỹ Thắng đi Hoài Nhơn										
1	1	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
2	2	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
3	3	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
4	4	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
5	5	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
6	6	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
7	7	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
8	8	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
9	9	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
10	10	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
11	11	10	27.0	6.0	162.0	5,200,000	842,400,000	168,400,000	500,000	35,000,000	
12	12	10			219.9	6,240,000	1,372,176,000	274,400,000	500,000	45,000,000	

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
I.2	Mặt hướng Tây, đường quy hoạch 13m				2,091.3		5,598,216,000	1,119,200,000			
13	13	10			309.3	3,120,000	965,016,000	193,000,000	500,000	40,000,000	
14	14	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
15	15	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
16	16	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
17	17	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
18	18	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
19	19	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
20	20	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
21	21	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
22	22	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
23	23	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	
24	24	10	27.0	6.0	162.0	2,600,000	421,200,000	84,200,000	500,000	15,000,000	